

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2025		Dự toán năm 2026
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.761	7.466	7.910
1	Thu nội địa	7.761	7.466	7.910
2	Thu từ dầu thô			
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu			
4	Thu viện trợ không hoàn lại			
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	179.214	179.156	189.469
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	7.761	7.466	7.910
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.133	823	1.330
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	6.628	6.643	6.580
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	171.453	171.690	181.559
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	15.837	16.132	123.537
2	Thu bổ sung có mục tiêu	155.616	155.558	58.022
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
IV	Thu kết dư			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	179.214	179.156	189.469
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	23.598	23.598	131.447
1	Chi đầu tư phát triển (1)			5.500
2	Chi thường xuyên	22.842	22.842	124.447
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
4	Dự phòng ngân sách	756	756	1.500
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	155.616	155.558	58.022
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.200	1.142	-
	Chi đầu tư phát triển	1.200	1.142	-
	Chi thường xuyên			
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách	149.875	149.875	58.022
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	4.541	4.541	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND phường trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND phường trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND phường trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)	7.761	7.761	7.466	7.466	7.910	7.910
I	THU NỘI ĐỊA	7.761	7.761	7.466	7.466	7.910	7.910
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	-	-	-	-	-	-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	-	-	-	-	-	-
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.802	3.802	3.817	3.817	3.330	3.330
	- Thuế giá trị gia tăng	3.685	3.685	3.700	3.700	3.200	3.200
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	99	99	99	99	110	110
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên	18	18	18	18	20	20
5	Lệ phí trước bạ	-	-	-	-	-	-
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	657	657	657	657	750	750
8	Thuế thu nhập cá nhân	2.169	2.169	2.169	2.169	2.500	2.500
9	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-		
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu						
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước						
10	Phí, lệ phí	513	513	513	513	550	550
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu						
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu						
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
11	Tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý						
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý						
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	-	-	-	-	-	-
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển						
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương						
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương						

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND phường trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND phường trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND phường trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
14	Thu từ bán tài sản nhà nước						
	<i>Trong đó: - Do trung ương quản lý</i>						
	<i>- Do địa phương quản lý</i>						
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước						
	<i>Trong đó: - Do trung ương xử lý</i>						
	<i>- Do địa phương xử lý</i>						
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
17	Thu khác ngân sách	-	-			-	-
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương</i>						
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			-	-	-	-
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i>						
	<i>- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>						
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	620	620	310	310	780	780
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)			-	-	-	-
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)			-	-	-	-
II	THU TỪ DẦU THÔ						
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU						

Ghi chú: (1) Bao gồm các khoản thu NSDP hưởng 100%, các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP.

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng				
STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II)	179.214	179.156	189.469
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	23.598	23.598	131.447
	<i>Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)</i>			
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	5.500
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)	-	-	5.500
	<i>Trong đó:</i>			
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn	-	-	5.500
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước			5.500
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
d	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương			
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực	-	-	-
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
b	Chi khoa học và công nghệ			
c	Chi quốc phòng			
d	Chi an ninh			
đ	Chi y tế, dân số và gia đình			
e	Chi văn hóa thông tin			
g	Chi phát thanh, truyền hình			
h	Chi thể dục thể thao			
i	Chi bảo vệ môi trường			
k	Chi hoạt động kinh tế	-	-	
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể			
m	Chi bảo đảm xã hội			
n	Chi khác			
2	Chi thường xuyên	22.842	22.842	124.447
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		-	93.344
b	Chi khoa học và công nghệ		-	
c	Chi quốc phòng	610	610	736
d	Chi an ninh	362	362	480
đ	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		-	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3
e	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	440	440	591
g	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	120	120	161
h	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	164	164	227
i	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	277	277	372
k	Chi hoạt động kinh tế	1.150	1.150	1.530
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	18.461	18.461	24.721
m	Chi bảo đảm xã hội	1.144	1.144	1.860
n	Chi khác	114	114	425
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
5	Dự phòng ngân sách	756	756	1.500
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	155.616	155.558	58.022
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	4.541	4.541	
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	1.200	1.142	-
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	149.875	149.875	58.022
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			